

Số: 21/2024/QĐST-VDS

Mai Sơn, ngày 06 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 33/2024/VDS-HNGĐ ngày 16/10/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1995. NĐKHKTT: Tiểu khu, xã C N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 2000. NĐKHKTT: Tiểu khu a, xã Ca Na, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Huyền T kết hôn với nhau từ năm 2018 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 12/10/2018. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Anh chị cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay xảy ra cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Đến năm 2022 anh chị đã sống ly thân. Tại phiên hòa giải, anh D, chị T xác định mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh D, chị T có 02 con chung; Anh chị thống nhất thỏa thuận anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Tú

Uyên, sinh ngày 18/02/2021 cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Thị Kim Ánh, sinh ngày 26/05/2019 cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh D, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, phù hợp với điều kiện của hai bên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh D, chị T thống nhất xác nhận không có tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

[4] Về lệ phí tòa án: Anh D, chị T thống nhất mỗi người chịu 50% lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 29 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Huyền T.
 - Về con chung: Anh chị thống nhất thỏa thuận; sau khi ly hôn anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Tú Uyên, sinh ngày 18/12/2021 cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Thị Kim Ánh, sinh ngày 26/05/2019 cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh D, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, anh D, chị T được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở anh D, chị T thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung vợ chồng: Không có.
- Về nợ chung vợ chồng: Không có.
- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn D chịu lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là 150.000VND (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 VND (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001967 ngày 16 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân

sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, được trả lại 150.000VND (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Chị Nguyễn Thị Huyền T chịu lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là 150.000VND (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Minh Quân

